

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HS-ST

Ngày: 18 - 02 - 2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hoàn và bà Lê Thị Thao .

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trịnh Hoàng Phương - Thư ký viên,
Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng .

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên
tòa:** Bà Bùi Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2025/TLST-HS ngày 22/01/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HS ngày 05/02/2025, đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn T, sinh năm 1994, tại huyện C, tỉnh Hải Dương; HKTT và chỗ ở: thôn K, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1, sinh 1960; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Hù Thị N, sinh 1997, có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án: Không; Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 901/QĐ-XPHC ngày 14/12/2023, Công an huyện H xử phạt về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Nhân thân: Bản án số 28/2013/HSST ngày 31/7/2013, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/12/2014 và các quyết định khác của bản án); Bản án số 26/2015/HSST ngày 20/7/2015, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/4/2016 và các quyết định khác của bản án); Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 119/QĐ-XPHC ngày 10/4/2015, Công an huyện C xử phạt về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy; Bản án số 27/2022/HSST ngày 31/3/2022, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng xử phạt 08 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/8/2022).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/10/2024 đến ngày 31/10/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

2. Đoàn Văn L, sinh năm 2003, tại huyện C, tỉnh Hải Dương; HKTT và chỗ ở: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn N1, sinh 1974 và bà Phạm Thị C, sinh 1969; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/10/2024 đến ngày 31/10/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1995, tại huyện C, tỉnh Hải Dương; HKTT và chỗ ở: thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn V, sinh 1967 và bà Hoàng Thị D, sinh 1970; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 900/QĐ-XPHC ngày 14/12/2023, Công an huyện H xử phạt về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy; Nhân thân: Bản án số 38/2017/HSST ngày 09/8/2017, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng xử phạt 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/01/2019 và các quyết định khác của bản án); Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 18a ngày 02/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C đối với Nguyễn Văn T2 về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 03 tháng. Bị can chấp hành xong ngày 03/5/2021.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/10/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh H cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn D1, sinh năm 1992. Địa chỉ: thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

* Người làm chứng: Anh Hoàng Văn T3, sinh năm 1989. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn T là đối tượng sử dụng ma túy đá. Ngày 25/10/2024, T đi xe khách đến khu vực D, huyện Đ, thành phố Hà Nội gặp và mua được của một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) 01 túi ma túy đá với số tiền 2.500.000 đồng, mục đích mang về bán lại cho người khác kiếm lời. Tráng mang số ma túy đá vừa mua được về nhà cất giấu, dùng cân tiểu ly chia thành 10 túi ma túy đá nhỏ. Sau đó, T đổ 04 túi ma túy vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy của T và sử dụng một vài hơi, số ma túy còn lại ở trong coóng T tháo ra và cất vào trong balo cùng ống hút còn chai nước để dưới gầm bàn uống nước. Đối với 06 túi ma túy còn lại, T cất giấu trong túi nilon màu tím để có ai hỏi mua thì bán với giá 300.000 đồng/ túi.

Sáng ngày 28/10/2024, T sử dụng điện thoại Iphone 6S Plus màu hồng, đăng nhập tài khoản Zalo “Tráng”, được đăng ký bằng số điện thoại

0921.078.525 nhắn tin đến tài khoản Zalo “Đoàn Văn L” được đăng ký bằng số điện thoại 0585.371.548 (*L sử dụng điện thoại Iphone 6S Plus, màu vàng*) của Đoàn Văn L rủ L đến nhà T ở K, xã C, huyện C sử dụng ma túy thì L đồng ý. Khoảng 11 giờ cùng ngày, L đi bộ đến nhà T. Khi vào trong nhà, T chỉ cho L vị trí cất bộ dụng cụ sử dụng ma túy, L lấy từ bên trong balo treo trên tường gần khu vực bàn uống nước nhà Tráng ra 01 coóng thủy tinh trong bầu coóng đã có sẵn ma túy (trước đó T đã đổ vào); 01 ống hút nhựa màu xanh được gắn trên nắp chai nhựa màu vàng rồi L lấy chai nhựa bên trong chứa nước trắng dưới gầm bàn uống nước, lắp ráp thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy. L dùng bật lửa ở mặt bàn hơi coóng thủy tinh để tạo khói và sử dụng bằng hình thức hút trực tiếp vào cơ thể rồi đưa cho T tự châm lửa sử dụng. T và L sử dụng được vài hơi thì L để bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (trong coóng vẫn còn ma túy đá) xuống dưới gầm bàn L đang ngồi. Sau đó, T và L ngồi chơi điện thoại.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T2 đến nhà T chơi. T2 thấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá ở dưới gầm bàn uống nước. T2 hỏi T “còn ma túy không cho T2 xin hơi” thì T đồng ý. Thấy T đồng ý nên L cầm bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá lên và đưa cho T2 để T2 tự châm lửa sử dụng. Khi T2 sử dụng xong, L tháo bộ dụng cụ sử dụng ma túy, cất giấu coóng thủy tinh và ống hút vào trong balo còn chai nước gắn nắp chai đặt dưới gầm bàn uống nước.

Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Phạm Văn D1, sinh năm 1992, ở thôn L, xã P, huyện C sử dụng tài khoản Messenger của D1 là “Dan Peter” nhắn tin, gọi điện đến tài khoản Messenger của T là “Vũ Văn T” hỏi mua 01 túi ma túy đá với số tiền 300.000 đồng. T đồng ý và yêu cầu D1 chuyển tiền đến số tài khoản 108877440577 mở tại V1 của T. Sau đó D1 sử dụng số tài khoản 0341007079815 mở tại V2 của D1 chuyển số tiền 300.000 đồng đến tài khoản của T. Sau khi nhận được tiền, T hẹn D1 đi đến khu vực gần nhà T lấy ma túy. Tráng bỏ túi nilon màu tím bên trong có chứa 06 túi ma túy đá ở trong túi quần ra và lấy 01 túi ma túy đá cất giấu vào trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, số ma túy còn lại Tráng để trên bàn trước mặt T2 và L đang ngồi rồi đi bộ ra ngoài để giao ma túy cho D1. Lúc này, T2 dùng tay sờ nắn vào túi thấy bên trong có nhiều túi nilon nhỏ. Do đã từng thấy T bỏ ma túy từ túi nilon này nên T2 biết bên trong túi nilon màu tím này có chứa ma túy đá. Sau khi hẹn với T, D1 thuê anh Hoàng Văn T3, sinh năm 1989, ở thôn T, xã Đ, huyện C là lái xe ôm chở đi đến điểm hẹn cách chỗ T đứng khoảng 10 mét thì D1 bảo anh T3 đứng đợi rồi một mình D1 đi bộ đến gặp và được T đưa cho túi ma túy đá được cất trong vỏ bao thuốc lá T. Sau đó, D1 bảo anh T3 chở D1 đến một bãi đất trống thuộc thôn P, xã C, huyện C D1 bảo anh T3 đứng đợi để D1 đi vệ sinh. Tại đây, D1 bỏ túi ma túy đá vừa mua được đổ ra giấy bạc rồi dùng bật lửa hơi nóng ma túy tạo thành khói và sử dụng bằng cách hít trực tiếp vào cơ thể. Khi D1 vừa sử dụng hết ma túy thì Cơ quan CSĐT Công an huyện C phát hiện, bắt quả tang. D1 khai nguồn gốc số ma túy vừa sử dụng là mua của T. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an huyện C tiến hành kiểm tra, giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với T. Quá trình kiểm tra, do biết túi nilon màu tím của T để trên mặt bàn là ma túy đá nên T2 đã cầm túi ma túy vớt ra ngoài cửa sổ bếp

nhằm tránh sự phát hiện, thu giữ của cơ quan công an.

Khám xét chỗ ở của Vũ Văn T, thu giữ:

- 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus, màu hồng, lắp sim số 0921.078.525 của Vũ Văn T.

* Tại khu vực bàn uống nước ở khu vực sân nhà Vũ Văn T:

- Tại vị trí gầm bàn uống nước: 01 chai nhựa màu trắng, nắp chai màu vàng, được đục 02 lỗ, bên trong có chứa chất lỏng màu trắng;

- Trong balo treo phía trên khu vực bàn uống nước: 01 coóng thủy tinh được liên kết với đoạn ống hút nhựa màu xanh bên trong bầu coóng chứa chất màu nâu đen; 01 vỏ túi nilon màu trắng dạng zip, miệng túi có viền màu đỏ, bên trong có dính chất tinh thể màu trắng, kích thước (4,5x6)cm; 01 cân tiểu ly màu nâu;

- Trên mặt bàn uống nước: 01 bật lửa gas màu đỏ.

- Tại tủ quần áo nhà T: 01 vỏ bao thuốc lá, bên trong có 36 vỏ túi nilon kích thước (1,5x2)cm và 43 vỏ túi nilon, kích thước (2x2,5)cm, bên trong các túi không chứa gì.

* Tại rãnh nước sau gian bếp nhà T (hướng Bắc): 01 túi nilon màu tím kích thước (6x10)cm bên trong có 02 túi nilon màu trắng đều kích thước (5x7)cm, trong đó:

- Túi 01, bên trong có 02 túi nilon màu trắng, kích thước (2,5x2)cm, bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng, 03 vỏ túi nilon, kích thước (2,5x2)cm, bên trong không chứa gì.

- Túi 02, bên trong có 03 túi nilon màu trắng, kích thước (2x2)cm, đều chứa chất tinh thể màu trắng, trong đó có 01 túi được quấn băng dính đen bên ngoài.

Thu giữ của Phạm Văn D1: 01 mảnh giấy bạc kích thước (7x4)cm trên bề mặt bám dính chất bột màu trắng; 01 vỏ túi nilon dạng túi zip kích thước (2x1,5)cm trên miệng túi có viền màu đỏ, bên trong túi bám dính chất tinh thể màu trắng; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 01 mảnh giấy bạc kích thước (14x7,5)cm trên bề mặt không có chất bám dính; 01 bật lửa màu xanh.

Thu giữ của Đoàn Văn L: 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus, màu vàng, lắp sim số 0585.371.548.

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro, màu xám, lắp sim 0926.632.269 của Nguyễn Văn T2. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, ngày 06/12/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trả lại điện thoại cho ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1965, ở thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương là bố đẻ của Nguyễn Văn T2.

Kết luận giám định số 445/KL-KTHS ngày 31/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh H, kết luận:

- Mẫu chất tinh thể màu trắng bám dính trên bề mặt mảnh giấy bạc, được niêm phong trong phong bì gửi đến giám định, là ma túy loại Methamphetamine. Lượng mẫu bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng.

- Mẫu chất tinh thể màu trắng bám dính bên trong túi nilon màu trắng viền khóa màu đỏ, được niêm phong trong phong bì gửi đến giám định, là ma túy loại Methamphetamine. Lượng mẫu bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng.

- Mẫu chất tinh thể màu trắng bám dính bên trong túi nilon màu trắng viền khóa màu đỏ, được niêm phong trong hộp bìa catton gửi đến giám định, là ma túy loại Methamphetamine. Lượng mẫu bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng.

- Mẫu chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong 02 túi nilon màu trắng bên trong túi nilon màu trắng thứ nhất, trong túi nilon màu tím, được niêm phong trong hộp bìa catton, gửi đến giám định là ma túy loại Methamphetamine. Tổng khối lượng mẫu là 0,504g. H1 lại sau giám định 0,444g ma túy loại Methamphetamine.

- Mẫu chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong 03 túi nilon màu trắng bên trong túi nilon màu trắng thứ hai, trong túi nilon màu tím, được niêm phong trong hộp bìa catton, gửi đến giám định là ma túy loại Methamphetamine. Tổng khối lượng mẫu là 0,478g. H1 lại sau giám định 0,409g ma túy loại Methamphetamine.

- Quá trình giám định có tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine trong mẫu chất muối màu đen bám dính bên trong bầu coóng thủy tinh, được niêm phong trong hộp bìa catton gửi đến giám định. Lượng mẫu bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng.

- Quá trình giám định có tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine trong mẫu chất lỏng màu trắng bám dính bên trong chai nhựa màu trắng có nắp màu vàng đục 02 lỗ, được niêm phong trong hộp bìa catton gửi đến giám định. Lượng mẫu bám dính rất nhỏ nên không xác định được thể tích.

Kết quả xét nghiệm nước tiểu tìm chất ma túy đối với Nguyễn Văn T2, Vũ Văn T, Đoàn Văn L, Phạm Văn D1 bằng thanh thử Fastep kết quả T2, T, L, D1 đều cho dương tính với ma túy loại Methamphetamine.

Đối với số tiền 300.000 đồng bán ma túy cho D1, T khai đã sử dụng một phần để chi tiêu cá nhân, số dư tài khoản 108877440577 mở tại ngân hàng V1 chi nhánh Khu công nghiệp H của Vũ Văn T là 150.306 đồng. Ngày 04/12/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra Lệnh phong tỏa tài khoản số tiền trên theo quy định.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 21/01/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đoàn Văn L

về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T2 về tội “Che giấu tội phạm” theo điểm e khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Đoàn Văn L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Văn T2 phạm tội “Che giấu tội phạm”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255, khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Văn T. Xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Vũ Văn T phải chấp hành hình phạt chung từ 10 năm 03 tháng đến 11 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 28/10/2024;

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn L. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn L từ 07 năm 02 tháng đến 07 năm 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 28/10/2024.

Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 389, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/10/2024.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo T và L.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 0,853g ma túy Methamphetamine hoàn lại sau giám định là chất nhà nước cấm; 02 mảnh giấy bạc; 01 cóng thủy tinh có gắn ống hút nhựa màu xanh; 01 chai nhựa màu trắng có nắp màu vàng đục 02 lỗ; 01 bật lửa gas màu đỏ; 01 bật lửa gas màu xanh; 01 cân tiểu ly màu nâu; 01 vỏ túi nilon màu tím; 09 vỏ túi nilon màu trắng; 01 vỏ túi nilon màu trắng bên ngoài được quấn băng dính màu đen; 01 vỏ bao thuốc lá chứa 79 vỏ túi nilon (bên trong không có gì); 02 vỏ túi nilon màu trắng viền khóa màu đỏ; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long; sim điện thoại số 0921078525 và số 0585371548.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 13.598 đồng trong tài khoản sim điện thoại 0921078525.

Tịch thu, phát mại, sung công quỹ Nhà nước giá trị chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, màu hồng và điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, màu vàng.

Truy thu số tiền 300.000 đồng thu lợi bất chính của bị cáo Vũ Văn T sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 150.306 đồng được phong tỏa tại tài khoản số 108877440577 của Vũ Văn T4 được mở tại Ngân hàng TMCP C1 - Chi nhánh K1 theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 477/LPT-ĐCSHS ngày 04/12/2024 của Cơ quan CSĐT Công an huyện C, sau khi khấu trừ khoản tiền truy thu số tiền thu lợi bất chính do bán ma túy mà có của T là 300.000 đồng thì tài khoản trên sẽ được gỡ phong tỏa. Sau khi khấu trừ, T còn phải tiếp tục nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 149.694 đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Vũ Văn T, Đoàn Văn L, Nguyễn Văn T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ.

Tại phiên tòa, bị cáo T không đồng ý với Cáo trạng truy tố đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho bị cáo Nguyễn Văn T2, tuy nhiên khi tranh luận bị cáo không có ý kiến gì và đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình; các bị cáo L và T2 thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1]. Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Vũ Văn T và Đoàn Văn L: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn T thừa nhận hành vi tổ chức trái phép chất ma túy cho L và hành vi mua bán trái phép chất ma túy, nhưng không thừa nhận hành vi cùng với Đoàn Văn L tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn T2. Căn cứ bản tường trình và lời khai ngày 28/10/2024 của bị cáo T trình bày: Sáng ngày 28/10/2024, bị cáo rủ L đến nhà mục đích để sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 11 giờ cùng ngày, L đến nhà bị cáo, sau đó bị cáo bảo L lấy coóng thủy tinh đã có sẵn ma túy ở trong balo và chai nước đã đục sẵn 02 lỗ ở dưới gầm bàn, ống hút lắp ráp thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy rồi Lộc châm lửa sử dụng bằng hình thức hút, sau đó bị cáo sử dụng ma túy cùng L, sau khi sử dụng xong bị cáo và L ngồi chơi điện thoại, L cất bộ dụng cụ dưới gầm bàn. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi bị cáo và L đang ngồi bàn uống nước dùng điện thoại thì Nguyễn Văn T2

đến, lúc này bị cáo thấy L cầm bộ dụng cụ sử dụng ma túy đặt lên bàn, T2 nhận và châm lửa tự sử dụng bằng hình thức hút. Khi T2 sử dụng xong thì L tháo bộ dụng cụ sử dụng ma túy ra, cất giấu coóng, ống hút trong balo, chai nước đặt dưới gầm bàn. Tuy nhiên bị cáo thay đổi lời khai, tại các biên bản lấy lời khai và biên bản hỏi cung về sau và tại phiên tòa bị cáo T trình bày: Khi T2 hỏi bị cáo “còn ma túy không, xin hơi”, bị cáo có bảo với T2 “mẹ tôi sắp về không chơi được”, có nghĩa là không cho T2 sử dụng ma túy, sau đó thấy L đưa bộ dụng cụ cho T2 sử dụng ma túy, còn T2 sử dụng ma túy hay không thì bị cáo không rõ; nếu T2 có sử dụng thì bị cáo cũng không ngăn cản hay phải đối gì.

Căn cứ lời khai bị cáo L trong quá trình điều tra tại các bản tường trình, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung (Bút lục từ 98 đến 116) và tại phiên tòa, bị cáo L trình bày: Vào khoảng 11 giờ ngày 28/10/2024, bị cáo đến nhà bị cáo T chơi, T rủ bị cáo sử dụng ma túy, bị cáo đồng ý và lấy trong balo 01 coóng thủy tinh bên trong đã có sẵn ma túy, lắp vào chai nước ở dưới gầm bàn uống nước thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá. Sau khi lắp xong thì bị cáo gọi T ra cùng sử dụng, bị cáo và T mỗi người sử dụng khoảng 2 -3 hơi thì không sử dụng nữa, bộ đồ sử dụng bị cáo để xuống gầm bàn, trong coóng thủy tinh vẫn còn một ít ma túy đá. Sau đó bị cáo và T ngồi chơi điện thoại. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì Nguyễn Văn T2 ở thôn H, xã C, C đến chơi. T2 nhìn thấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy ở gầm bàn uống nước gần chỗ bị cáo ngồi và T2 hỏi T là trong coóng còn ít đồ nào không, cho T2 xin hơi thì T bảo có, thấy vậy bị cáo cầm bộ đồ sử dụng ma túy đá để lên mặt bàn đưa cho T2, sau đó T2 tự dùng bật lửa châm sử dụng. T2 sử dụng được khoảng 1-2 hơi thì hết ma túy. Sau khi T2 sử dụng xong, bị cáo tháo coóng thủy tinh và ống hút bằng nhựa cho vào balo, còn chai nước bị cáo L để dưới gầm bàn. Sau đó thấy T đi ra ngoài một lúc rồi quay về ngồi chơi cùng bị cáo và T2. Vì T đồng ý cho T2 sử dụng ma túy và bị cáo ngồi gần bộ đồ sử dụng ma túy đá nên bị cáo cầm lên mặt bàn đưa cho T2 sử dụng.

Căn cứ lời khai bị cáo T2 trong quá trình điều tra tại các bản tường trình, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung (Bút lục từ 117 đến 145) và tại phiên tòa, bị cáo Tiến trình bày: Khoảng 14 giờ 40 phút ngày 28/10/2024 bị cáo đang ở nhà thì T gọi rủ đến nhà chơi. Khi bị cáo đến nhà bị cáo T thấy có T và L đang ngồi chơi điện thoại ở bàn uống nước, T vào ngồi cùng với L và T thì thấy có 01 bộ dụng cụ để sử dụng ma túy đá vẫn còn khói để ở dưới gầm bàn chỗ L đang ngồi thì bị cáo hỏi T là “cho em xin hơi”, T đồng ý và L cầm bộ sử dụng ma túy để trên mặt bàn uống nước, sau đó bị cáo dùng bật lửa tự châm đốt ma túy để sử dụng, bị cáo hút 01 hơi. Nguồn gốc ma túy bị cáo sử dụng là của bị cáo T, việc bị cáo sử dụng ma túy thì bị cáo không phải đóng góp tiền cho bị cáo T. Sau khi hút xong, bị cáo đi vào nhà vệ sinh để tắm, sau khi tắm xong bị cáo ra ngoài ngồi chơi điện thoại cùng T và L, bị cáo thấy T móc từ trong túi quần 01 túi nilon ra để trên mặt bàn trước mặt bị cáo và L. Một lúc sau bị cáo thấy T đi ra ngoài... Khi bị cáo sử dụng ma túy tại nhà T thì T và L đều biết, lúc đó T và L đang ngồi ở bộ bàn ghế uống nước cùng bị cáo, trước khi sử dụng bị cáo đã hỏi ý kiến bị cáo T và được T đồng ý.

Mặc dù lời khai của bị cáo T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa mâu thuẫn với lời khai của các bị cáo L và T2. Tuy nhiên căn cứ lời khai của các bị cáo L và T2 tại phiên tòa thống nhất với nhau và phù hợp với chính lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với biên bản vụ việc, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định bị cáo T và L cùng thống nhất ý chí cho bị cáo T2 sử dụng ma túy. Do vậy T và L đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép 02 lần (một lần các bị cáo tổ chức sử dụng ma túy cho nhau và một lần tổ chức cho T2 sử dụng trái phép chất ma túy). Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Sáng ngày 28/10/2024, T gọi điện thoại rủ L đến nhà mục đích để sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 11 giờ ngày 28/10/2024 tại nhà ở của Vũ Văn T ở thôn K, xã C, huyện C, T có hành vi chuẩn bị địa điểm, công cụ, chất ma túy, Đoàn Văn L mặc dù không phải đóng góp tiền mua ma túy nhưng có hành vi lấy bộ dụng cụ gồm 01 coóng thủy tinh trong bầu coóng đã có sẵn ma túy, 01 ống hút nhựa và chai nhựa lắp ráp thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy, dùng bật hơi coóng thủy tinh để tạo khói, L và T cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamine. Sau khi sử dụng xong thì T và L ngồi chơi điện thoại. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, tại nhà ở của mình Tráng đã cung cấp ma túy, chuẩn bị địa điểm, công cụ từ trước, L có hành vi lắp ráp bộ C2 đã sử dụng ma túy từ trước để tổ chức cho Nguyễn Văn T2 sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamine.

[2.2]. Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Vũ Văn T: Lời khai của bị cáo T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của người liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 28/10/2024, tại thôn K, xã C, huyện C, T có hành vi bán trái phép 01 túi ma túy, loại Methamphetamine cho Phạm Văn D1, sinh năm 1992, ở thôn L, xã P, huyện C với số tiền 300.000 đồng và cất giấu 05 túi ma túy loại Methamphetamine có trọng lượng 0,982gam tại nơi ở của mình với mục đích bán lại cho người khác để kiếm lời.

[2.3]. Đối với hành vi che giấu tội phạm của Nguyễn Văn T2: Lời khai của bị cáo T2 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của các bị cáo khác, vật chứng thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 28/10/2024 tại nhà của Vũ Văn T, ở thôn K, xã C, huyện C, trong quá trình Cơ quan CSĐT Công an huyện C thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và khám xét khẩn cấp chỗ ở của Vũ Văn T, mặc dù không hứa hẹn, thống nhất từ trước, không tham gia vào việc tổ chức sử dụng và mua bán trái phép chất ma túy của T, nhưng Nguyễn Văn T2 do biết túi nilon màu tím, bên trong có chứa 05 túi ma túy đá với tổng khối lượng là 0,982 gam ma túy loại Methamphetamine của T để trên mặt bàn nên T2 đã có hành vi cầm túi ma túy vút ra ngoài cửa sổ bếp vì sợ liên lụy đến mình và nhằm mục đích cản trở, tránh sự phát hiện, truy tìm vật chứng của vụ án và xử lý hành vi phạm tội về ma túy của T.

[3]. Xét hành vi của các bị cáo Vũ Văn T, Đoàn Văn L là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm chế độ quản lý độc quyền về chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Các bị cáo cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn T2. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “Phạm tội hai lần trở lên” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Vũ Văn T có hành vi bán trái phép 01 túi ma túy loại Methamphetamine cho Phạm Văn D1 với số tiền 300.000 đồng và cất giấu 05 túi ma túy loại Methamphetamine có trọng lượng 0,982gam tại nơi ở của mình với mục đích bán lại cho người khác để kiếm lời nên hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T2 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc phát hiện, xử lý, điều tra tội phạm, vi phạm pháp luật hình sự. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Che giấu tội phạm” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo Vũ Văn T, Đoàn Văn L và Nguyễn Văn T2 về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét vị trí, vai trò của các bị cáo: Bị cáo T và L đồng phạm với nhau về hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo T là người khởi xướng, chuẩn bị địa điểm, công cụ sử dụng và cung cấp ma túy cho L và T2 sử dụng nên giữ vai trò thứ nhất; bị cáo L chuẩn bị công cụ sử dụng ma túy nên vai trò là người thực hành, đồng phạm với bị cáo T để cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tổ chức cho bị cáo T2 sử dụng trái phép chất ma túy; Bị cáo T còn phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập đối với hành vi Mua bán trái phép chất ma túy; Bị cáo Nguyễn Văn T2 chịu trách nhiệm hình sự độc lập đối với hành vi Che giấu tội phạm.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hướng xử lý đối với các bị cáo:

Về nhân thân: Đối với bị cáo T có 01 tiền sự, năm 2023 bị Công an huyện H, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy (chưa được xóa tiền sự) và có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử về các tội Trộm cắp tài sản năm 2013, 2015 và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản năm 2022, bị Trưởng Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy năm 2015, đến thời điểm phạm tội lần này đã được đương nhiên xóa án tích và được coi là chưa bị xử lý hành chính. Đối với bị cáo L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đối với bị cáo T2 có 01 tiền sự, năm 2023 bị Trưởng Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi

Tàng trữ trái phép chất ma túy (chưa được xóa tiền sự) và có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy năm 2017 và bị Chủ tịch UBND xã C áp dụng biện pháp giáo dục tại xã năm 2021 (đã được xóa án tích và được coi như chưa bị xử lý hành chính).

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả 03 bị cáo đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo L và T2 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo T cơ bản thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên cả 03 bị cáo đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo T phạm 02 tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội. Xét các bị cáo T và L đều phạm tội có tính chất rất nghiêm trọng, bị cáo T2 phạm tội có tính chất nghiêm trọng nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, hành vi của từng bị cáo để giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo T và L.

[7] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, thu giữ của bị cáo T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu hồng lắp sim số 0921078525 và thu giữ của bị cáo L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu vàng lắp sim số 0585371548. Đây là tài sản riêng của các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước trị giá các điện thoại và tịch thu tiêu hủy các sim số 0921078525, 0585371548 theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số thuê bao di động 0921078525 trong tài khoản có số tiền 13.598đồng của Vũ Văn T và số thuê bao 0585371548 trong tài khoản có số tiền 31đồng của Đoàn Văn L. Các bị cáo sử dụng số thuê bao trên để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nên tịch thu số tiền 13.598đ của bị cáo T trong tài khoản sim điện thoại số 0921078525 nộp ngân sách Nhà nước, đối với số tiền 31đồng trong tài khoản số thuê bao của L là không đáng kể nên không xem xét tịch thu đối với số tiền trên.

Yêu cầu Doanh nghiệp V3 thu hồi các số thuê bao di động 0921078525, 0585371548 theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 53 Luật Viễn thông.

Đối với 01 bật lửa ga màu đỏ; 01 cân tiểu ly màu nâu; 02 mảnh giấy bạc; 01 coóng thủy tinh có gắn ống hút nhựa màu xanh; 01 chai nhựa màu trắng có nắp màu vàng đục 02 lỗ; 01 vỏ bao thuốc lá trên trong có 79 vỏ túi nilon bên trong không có gì; 02 vỏ túi nilon màu trắng viền khóa màu đỏ; 01 vỏ túi nilon

màu tím; 09 vỏ túi nilon màu trắng; 01 vỏ túi nilon màu trắng bên ngoài được quần băng dính màu đen; 01 bật lửa ga màu xanh; 01 vỏ bao thuốc lá T. Đây là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với tổng khối lượng các mẫu hoàn lại sau giám định là 0,853g ma túy loại Methamphetamine. Đây là vật chứng của vụ án, vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 300.000đ bị cáo T có được do bán trái phép chất ma túy cho anh D1 nên cần truy thu số tiền trên của bị cáo T nộp ngân sách Nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tiếp tục phong tỏa số tiền là 150.306 đồng trong tài khoản số 108877440577 mở tại ngân hàng V1 Chi nhánh Khu công nghiệp H của Vũ Văn T (theo Lệnh phong tỏa số 477/LPT-ĐCSHS ngày 04/12/2024 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C) để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Sau khi truy thu xong số tiền 150.306 đồng trong tài khoản bị phong tỏa thì tài khoản trên sẽ được gỡ phong tỏa. Đối trừ số tiền trên, bị cáo Vũ Văn T còn phải nộp là 149.694đ.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu xám, lắp sim 0926632269 thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T2. Quá trình điều tra, xác định bị cáo T2 không sử dụng vào việc phạm tội. Ngày 06/12/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trả cho bị cáo thông qua bố đẻ là ông Nguyễn Văn V nhận lại theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự là phù hợp.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Vũ Văn T, Đoàn Văn L, Nguyễn Văn T2 bị kết án nên phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Vũ Văn T, Đoàn Văn L, Nguyễn Văn T2 và Phạm Văn D1. Ngày 08/11/2024, Trưởng Công an huyện C đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 207, 208, 209, 210 là phù hợp.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Vũ Văn T tại khu vực dốc K, huyện Đ, thành phố Hà Nội, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ xử lý.

Đối với anh Hoàng Văn Thế L1 người lái xe ôm chở D1, quá trình điều tra xác định anh T3 không biết D1 thuê để chở đi mua ma túy về sử dụng nên không có căn cứ xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255, khoản 1 Điều 251, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Văn T.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn L.

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 389, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T2.

1. Về tội danh:

- Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T2 phạm tội “Che giấu tội phạm”.

2. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn T **07** (bảy) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Vũ Văn T phải chấp hành hình phạt chung là **10** (mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 28/10/2024.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Văn L **07** (bảy) năm **03** (ba) tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 28/10/2024.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 **01** (một) năm tù về tội “Che giấu tội phạm”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/10/2024.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước trị giá 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu hồng của bị cáo T (được niêm phong trong phong bì ký hiệu T3) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu vàng của bị cáo L (được niêm phong trong phong bì ký hiệu T4).

- Tịch thu tiêu hủy sim số 0921078525 thu giữ của bị cáo T và sim số 0585371548 thu giữ của bị cáo L.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bật lửa ga màu đỏ; 01 cân tiểu ly màu nâu; 01 vỏ bao thuốc lá trên trong có 79 vỏ túi nilon bên trong không có gì (được niêm phong trong phong bì ký hiệu T5).

- Tịch thu tiêu hủy 01 bật lửa ga màu xanh; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 01 mảnh giấy bạc kích thước (14x7,5)cm trên bề mặt không có chất bám dính (được niêm phong trong phong bì ký hiệu T6).

- Tịch thu tiêu hủy 01 mảnh giấy bạc; 01 vỏ túi nilon màu trắng viền khóa màu đỏ (được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1).

- Tịch thu tiêu hủy 0,853g ma túy loại Methamphetamine hoàn lại sau giám định; 09 vỏ túi nilon màu trắng; 01 vỏ túi nilon màu tím; 01 vỏ túi nilon màu trắng bên ngoài được quấn băng dính màu đen; 01 coong thủy tinh có gắn ống hút nhựa màu xanh; 01 chai nhựa màu trắng có nắp màu vàng đục 02 lỗ; 01 vỏ túi nilon màu trắng viền khóa màu đỏ (được niêm phong trong hộp bìa catton ký hiệu T2).

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng trên theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng ngày 22/01/2025).

- Truy thu của bị cáo T số tiền 300.000đ nộp ngân sách nhà nước (chưa nộp). Tiếp tục phong tỏa số tiền là 150.306 đồng trong tài khoản số 108877440577 mở tại ngân hàng V1 Chi nhánh Khu công nghiệp H của Vũ Văn T (theo Lệnh phong tỏa số 477/LPT-ĐCSHS ngày 04/12/2024 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C) để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Sau khi truy thu xong số tiền 150.306 đồng trong tài khoản bị phong tỏa thì tài khoản trên sẽ được gỡ phong tỏa. Đối trừ số tiền trên, bị cáo Vũ Văn T còn phải nộp là 149.694đ.

- Tịch thu số tiền 13.598đ trong sim số 0921078525 của bị cáo Vũ Văn T nộp ngân sách Nhà nước.

- Yêu cầu Doanh nghiệp V3 thu hồi các số thuê bao di động 0921078525, 0585371548 theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 53 Luật Viễn thông.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Vũ Văn T, Đoàn Văn L, Nguyễn Văn T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần có liên quan đến mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hải Dương;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh HD;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**Bùi Ngọc Khuyến**